

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 8 năm 2019
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Mỹ Huyền**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Lê Công Quyền**;

2/ Bà **Võ Thị Trâm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Thảo Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Võ Hoàng Nhân** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị L**, sinh năm: 1979 (có mặt); địa chỉ: a, ấp Đ, xã TĐ, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1965 (có mặt); địa chỉ: a, ấp Đ, xã TĐ, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 4 năm 2019 của nguyên đơn – chị Phạm Thị L và trong quá trình giải quyết vụ án, chị L trình bày như sau:

Chị Li và anh Nguyễn Văn H chung sống với nhau từ năm 1994, hôn nhân do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp nên cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, chị và anh H đã không còn sống chung vợ chồng khoảng 03 năm nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 02 người con chung Nguyễn Văn V, sinh năm 1995 và Nguyễn Văn V, sinh năm 1996; Do 02 người con đã thành niên tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị khởi kiện không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nhưng anh H trình bày về tài sản chung là có diện tích đất 956,9m², thửa đất số 456, tờ bản đồ số 32 tọa lạc ấp Đ, xã TĐ, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, vào sổ số H04971/05 cấp ngày 08/10/2009 của UBND huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, do chị và anh H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy đất gốc do chị đang giữ, nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản này để chị tự thỏa thuận với anh H.

Về nợ chung: Chị L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Không có ai khác nợ lại hai vợ chồng.

Bị đơn – anh Nguyễn Văn H, trình bày như sau:

Anh H thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian chung sống, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp nên cuộc sống chung của anh chị không còn hạnh phúc, anh chị đã không còn sống chung vợ chồng khoảng 02 năm. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh H cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 người con chung Nguyễn Văn V, sinh năm 1995 và Nguyễn Văn V, sinh năm 1996; Do 02 người con đã thành niên tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Diện tích đất 956,9m², thửa đất số 456, tờ bản đồ số 32 tọa lạc ấp Đ, xã TĐ, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, vào sổ số H04971/05 cấp ngày 08/10/2009 của UBND huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, do anh và chị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy đất gốc do vợ anh giữ, anh có yêu cầu giải quyết, nhưng do anh không có tiền nộp tiền tạm ứng án phí. Nay anh xác định cũng không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Không có ai khác nợ lại hai vợ chồng.

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành:***

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ và trình tự tiến hành phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L đối với anh H, do anh chị không có đăng ký kết hôn nên không công nhận chị L và anh H là vợ chồng; tại phiên tòa anh chị không yêu cầu giải quyết về tài sản chung trong vụ án này, yêu cầu giải quyết ở một vụ án khác nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tụng tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Phạm Thị L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh giải quyết việc ly hôn của chị; anh Nguyễn Văn H có địa chỉ tại số a, ấp Đ, xã TĐ, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh là đúng theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung vụ án:

Chị L và anh H tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 1994, không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên việc chung sống của anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 người con chung Nguyễn Văn V, sinh năm 1995 và Nguyễn Văn V, sinh năm 1996. Do 02 người con đã thành niên tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Diện tích đất 956,9m², thửa đất số 456, tờ bản đồ số 32 tọa lạc ấp Đ, xã TĐ, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, vào sổ số H04971/05 cấp ngày ngày 08/10/2009 của UBND huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, do chị L và anh H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại phiên tòa anh chị không yêu cầu giải quyết về tài sản chung trong vụ án này, yêu cầu giải quyết ở một vụ án khác nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị L, anh H không yêu cầu giải quyết.

[3] Theo ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố không công nhận chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng.

- Về con chung: Có 02 người con chung Nguyễn Văn V, sinh năm 1995 và Nguyễn Văn V, sinh năm 1996. Do 02 người con đã thành niên tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh H không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0013251 ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị L đã nộp xong án phí.

Báo cho chị L và anh H biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện HT;
- Chi cục THA DS huyện Hòa Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu trữ (H).

(đã ký)

DƯƠNG MỸ HUYỀN